TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Đ** **TỈNH Q**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2024/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 02 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 171/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1973; địa chỉ: tổ 3, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trí D, sinh năm: 1973; địa chỉ: tổ 4, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, các khoản 1 và 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Trí D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Trí Đ, sinh ngày 07/11/2013 kể từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Trí D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Chị Lê Thị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Trí D trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

- *Về tài sản chung:* ngày 23/01/2024 chị H và anh D có văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung, đề nghị Tòa án ghi nhận như sau:

Chị Lê Thị H có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Trí D số tiền 60.000.000đồng *(Sáu mươi triệu đồng)* là công sức đóng góp của anh D trong khối tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, cụ thể:

Đợt 1: chậm nhất đến ngày 30/4/2024 chị H có trách nhiệm trả cho anh D số tiền 30.000.000đồng.

Đợt 2: chậm nhất đến ngày 30/7/2024 chị H có trách nhiệm trả cho anh D số tiền 30.000.000đồng.

Kể từ ngày anh D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- *Về án phí:* Chị Lê Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003275 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ; chị H được hoàn trả số tiền 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng);*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TX. Đ;
- Chi cục THADS TX. Đ;
- TAND tỉnh Q;
- UBND phường M, TX. Đ (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA; VP.

THẨM PHÁN

Phan Tuấn Anh